

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2025/DS-ST

Ngày 06-5-2025

“Về việc tranh chấp tiền hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Tâm.

Ông Ngô Hoàng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2025 về “tranh chấp tiền hụi”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 341/2025/QĐ-ST ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1993. *(có mặt)*

Cư trú tại: Ấp B, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Hà Văn S – Luật sư của Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố C. *(có mặt)*

Cư trú tại: ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Mai Thị Kim B, sinh năm 1973. *(có mặt)*

Ông Tô Văn C (tên gọi khác Tô Văn C1, chồng bà Kim B), sinh năm 1974. *(xin vắng mặt)*

Cư trú tại: Ấp B, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn – bà Trần Thị H trình bày:**

Bà H và bà B có quen biết với nhau, được biết bà B làm chủ hội và bà H vô các dây hội, đến ngày 25/7/2024 âm lịch thì bà B tuyên bố đình hội, từ đó bà H mới làm đơn tố giác đến Công an thành phố C, trong quá trình làm việc tại Công an thì giữa bà H và bà B đã đối chiếu số tiền hội vốn với nhau. Đồng thời, Công an thành phố C cũng ban hành thông báo kết luận hành vi của bà Ba K cấu thành tội phạm, không khởi tố vụ án hình sự. Do đó, bà H mới khởi kiện yêu cầu bà B trả lại số tiền hội, cụ thể như sau:

- Dây hội 2.000.000 đồng, hội khai ngày 09/01/2023 âm lịch, hội gồm 37 chung, tháng khai 01 lần, bà H vô 01 chung, đóng được 19 lần, với tổng số tiền hội vốn đóng vào là 23.310.000 đồng (số tiền vốn hội được bà H và bà B đối chiếu thống nhất tại Công an thành phố C), nay bà H yêu cầu vợ chồng bà B trả trên giá trị đầu hội 2.000.000 đồng với số tiền là 38.000.000 đồng.

- Dây hội 2.000.000 đồng, hội khai ngày 30/8/2023 âm lịch, hội gồm 37 chung, hội tháng khai 01 lần, bà H vô 01 chung, đóng được 10 lần, với tổng số tiền hội vốn đóng vào là 13.320.000 đồng (số tiền vốn hội được bà H và bà B đối chiếu thống nhất tại Công an thành phố C), nay bà H yêu cầu vợ chồng bà B trả trên giá trị đầu hội 2.000.000 đồng với số tiền là 20.000.000 đồng.

Bà Trần Thị H yêu cầu vợ chồng bà Mai Thị Kim B và ông Tô Văn C cùng chịu trách nhiệm trả tổng số tiền hội là 58.000.000 đồng. Ngoài ra, bà H không yêu cầu gì khác.

* *Bị đơn – bà Mai Thị Kim B trình bày:* Bà Kim B có làm chủ hội, bà H có trực tiếp tham gia vô hội như bà H trình bày là hoàn toàn đúng.

Quá trình mở hội, do hội viên hốt hội nhưng không đóng hội chết lại, bà B đã lập hội được một thời gian dài, thì bà Ba không lập hội được nữa nên đến ngày 25/7/2024 âm lịch thì bà B tuyên bố đình hội.

Việc mở hội, làm chủ hội của bà B là để được hưởng hoa hồng của từng kỳ khai, đối với hội 2.000.000 đồng thì hưởng hoa hồng là 1.200.000 đồng, hội 1.000.000 đồng thì hưởng hoa hồng là 600.000 đồng, việc khai hội hàng kỳ để hội viên bỏ hội hốt được thực hiện tại nhà của bà Kim B, còn việc đi gom hội thì do bà B trực tiếp đi đến từng nhà hội viên để gom, mục đích mở hội để hưởng hoa hồng là để phục vụ sinh hoạt trong gia đình.

Việc mở hội và làm chủ hội thì chồng bà B điều biết, nên việc thiếu nợ hội thì chồng bà Kim B là ông Tô Văn C cũng đồng ý cùng chịu trách nhiệm thanh toán, nhưng do vợ chồng đang làm tại các công ty ở tỉnh Long An, nên không thể xin nghỉ cùng lúc 02 người để về tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án được. Hiện nay, quan hệ hôn nhân giữa bà Mai Thị Kim B và ông Tô Văn C vẫn còn tồn tại.

Trước yêu cầu bà Trần Thị H, thì bà Mai Thị Kim B đồng ý trả số tiền hội vốn đã được đối chiếu tại Công an thành phố C là 35.630.000 đồng. Ngoài ra, bà B không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

* Ông Tô Văn C có văn bản trình bày ý kiến đồng ý trả cho bà L số tiền hội còn nợ là 35.630.000 đồng và có yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

** Tại phiên tòa:*

- Bà Trần Thị H trình bày: Bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết buộc vợ chồng ông Tô Văn C và bà Mai Thị Kim B trả số tiền hội còn nợ gồm vốn và lãi theo quy định là 44.500.000 đồng. Ngoài ra, bà H không có yêu cầu gì khác.

- Bà Mai Thị Kim B trình bày: Vợ chồng bà Kim B và ông Trần Văn C2 đồng ý trả theo yêu cầu của bà Trần Thị H số tiền hội còn nợ gồm vốn và lãi theo quy định là 44.500.000 đồng.

- Ông Tô Văn C xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Tô Văn C (Tô Văn C1) có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối ông Tô Văn C.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị H yêu cầu vợ chồng ông Tô Văn C và bà Mai Thị Kim B cư trú hiện nay tại: ấp Đ, xã T, thành phố C trả số tiền hội còn nợ. Như vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp tiền hội” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 471 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét về nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện:

Vào năm 2023 vợ chồng bà Kim B làm chủ hội tại địa phương, với mục đích là hùn vốn phát triển kinh tế của hộ gia đình, phía bà H đã tham gia vô 02 dây hội gồm dây hội 2.000.000 đồng, mỗi dây bà H vô 01 chung hội, đến ngày 25/7/2024 vợ chồng bà Kim B tuyên bố đình hội; nay bà H yêu cầu vợ chồng ông C và bà Kim B trả số tiền hội còn nợ gồm vốn và lãi theo quy định là 44.500.000 đồng. Bà Mai Thị Kim B đồng ý trả theo yêu cầu của bà H số tiền hội vốn và lãi theo quy định là 44.500.000 đồng. Ông C có văn bản trình bày ý kiến đồng ý trả cho bà H số tiền còn hội còn nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa thì bà H và bà Kim B đã thống nhất được số tiền hội vốn và số tiền lãi theo quy định pháp luật; việc làm chủ hội là phục vụ cho sinh hoạt trong gia đình được bà Kim B thừa nhận, ông C cũng thống nhất trả tiền hội còn nợ cho bà H; Tuy nhiên, ông C không tham gia phiên tòa, từ đó Hội đồng xét xử không thể công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, buộc vợ chồng ông Tô Văn C và bà Mai Thị Kim Ba P có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H số tiền hội còn nợ là 44.500.000 đồng.

Trường hợp vợ chồng ông C và bà Kim B chậm thanh toán số tiền hội nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Buộc vợ chồng ông Trần Văn C2 và bà Mai Thị Kim Ba P chịu án phí với số tiền = 44.500.000 đồng x 5% = 2.225.000 đồng.

- Bà Trần Thị H nộp tạm ứng án phí với số tiền 1.450.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010324 của Chi cục Thi hành án thành phố Cà Mau, bà H được nhận lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự.

- Các Điều 18 và 21 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với vợ chồng ông Tô Văn C (Tô Văn C1) và bà Mai Thị Kim B về việc thanh toán tiền hội.

Buộc vợ chồng ông Tô Văn C và bà Mai Thị Kim Ba P có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị H số tiền hội còn nợ là 44.500.000 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp người phải thi hành án chậm thanh toán số tiền hội nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc vợ chồng ông Trần Văn C2 và bà Mai Thị Kim Ba P chịu án phí với số tiền là 2.225.000 đồng.

- Bà Trần Thị H nộp tạm ứng án phí với số tiền 1.450.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010324 của Chi cục Thi hành án thành phố Cà Mau, bà H được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Cà Mau;
- Chi cục THADS TP Cà Mau;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Tuấn